

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/DS-ST

Ngày: 22/8/2024.

Về việc: “Yêu cầu tuyên bố công chứng vô hiệu;
t/c về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cầu và bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị É, sinh năm 1946; nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người ười"người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị É: Ông Nguyễn Văn P sinh năm 1983; nơi đăng ký thường trú: số D Q, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (theo Văn bản ủy quyền ngày 03/8/2020). (có mặt)

2. Bị đơn:

2. 1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1966; (vắng mặt)

2. 2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Số B, tổ H, ấp M, xã T, huyện C, An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Văn phòng C1;

Địa chỉ: khóm H, thị trấn A, C, An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Q - Trưởng Văn

phòng C1. (vắng mặt)

2. Ông Hà Văn T, sinh năm 1967; nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

(Đại diện Văn phòng công chứng Nguyễn Thành Q có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị É (do ông Nguyễn Văn P đại diện) và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau:* Bà Nguyễn Thị É là di ruột của ông Trần Văn C. Do tuổi cao và được vợ chồng ông Trần Văn C chăm sóc nên khi nghe vợ chồng Trần Văn C, Lê Thị N kêu đứng tên dùm 02 diện tích đất nhằm thuận tiện cho việc giao dịch nên đã đồng ý. Bà Nguyễn Thị É đã đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thành Q để làm thủ tục cho vợ chồng đứng tên dùm 02 diện tích đất, gồm: Diện tích đất ở 241m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06250/iG cấp ngày 06/10/2007 (tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang) và diện tích đất 138,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ h.05369/cG ngày 08/5/2006 (tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang). Tuy nhiên, sau đó thì bà Nguyễn Thị É phát hiện rằng vợ chồng ông C, bà N đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 diện tích đất nêu trên với giá 200.000.000đ và đã đứng tên Giấy chứng nhận; thực tế là bà Nguyễn Thị É không tự nguyện chuyển nhượng và không nhận tiền, hiện tại vẫn quản lý và sử dụng 02 diện tích đất nêu trên; đồng thời, trước đó đã ký giấy di chúc 02 diện tích đất này cho ông Hà Văn T thừa hưởng khi bà Nguyễn Thị É qua đời.

Nay bà Nguyễn Thị É yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và tuyên hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị N do Hợp đồng này là giả cách và hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp cho ông C, bà N; không yêu cầu xử lý hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, không yêu cầu bồi thường thiệt hại do 02 diện tích đất bà Nguyễn Thị É đang quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn C, bà Lê Thị N.

** Theo bản khai của bị đơn vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị N có nội dung:* Ông Trần Văn C và Lê Thị N là vợ chồng có đăng ký kết hôn và Trần Văn C là cháu ruột bà Nguyễn Thị É (kêu bằng di). Trước đây bà Nguyễn Thị É có lên nhà năn nỉ vợ chồng nhận tặng cho 02 diện tích đất mà bà Nguyễn Thị É đứng tên để sau này phụng dưỡng bà về già và khi bệnh tật nên vợ chồng ông C, bà N đã đồng ý. Vào ngày 14/5/2020, hai bên cùng đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thành Q để thực hiện thủ tục chuyển nhượng 02 diện tích đất với số tiền ghi trong hợp đồng là 200.000.000đ nhưng thực chất không có giao trả tiền. Sau nhiều lần nộp giấy tờ thì vợ chồng đã được đứng tên 02 diện tích đất, cụ thể: Diện tích 241m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS06250

ngày 11/8/2020 và diện tích 138,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS05369 cấp ngày 11/8/2020 đều mang tên Trần Văn C, Lê Thị N; hiện tại Giấy chứng nhận vợ chồng đang giữ và không thể chấp hay cầm cố cho ai, riêng 02 diện tích đất thì vẫn do bà Nguyễn Thị É đang quản lý, sử dụng và có cất nhà ở.

Nay bà Nguyễn Thị É yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký và có công chứng ngày 14/5/2020 tại Văn phòng C1 vô hiệu, tuyên hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06250 ngày 11/8/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS05369 cấp ngày 11/8/2020 đều do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp thì vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị N không đồng ý; nếu bà Nguyễn Thị É yêu cầu chuyển quyền lại cho con cháu trong dòng họ hoặc người được tin tưởng thì vợ chồng ông C, bà N sẽ đồng ý chuyển lại. Tại phiên tòa, vắng mặt không lý do.

** Theo Bản khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 (do ông Nguyễn Thành Q đại diện) có nội dung:* Ngày 14/5/2020, Văn phòng C1 có tiếp nhận yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị É với ông Trần Văn C, bà Lê Thị N theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận số AH 827629 (H.06250/iG) cấp ngày 06/10/2007 và số AD 968879 (H.05369/cG) cấp ngày 08/5/2006, đều do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị É. Việc công chứng đã được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định; các bên tự nguyện giao kết hợp đồng, có đầy đủ năng lực hành vi tại thời điểm công chứng, nội dung hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được các bên đọc lại.

Do đó, Văn phòng C1 xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/5/2020, số công chứng 920, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD giao kết giữa bà Nguyễn Thị É với vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị N là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật ngay tại thời điểm công chứng; do công việc nhiều nên xin phép được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Theo Bản khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T và lời khai tại phiên tòa có nội dung:* Do ông Hà Văn T chăm sóc bà Nguyễn Thị É trong thời gian dài nên đã có làm tờ di chúc để lại 02 diện tích đất ở do bà É đứng tên ở xã V và xã A để ông T được hưởng nhằm để có điều kiện nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị É khi tuổi già. Tuy nhiên, từ khi làm di chúc đến nay thì ông Hà Văn T vẫn chưa được nhận tài sản và sang tên tách bộ. Nay bà Nguyễn Thị É tranh chấp với vợ chồng ông Trần Văn C, Lê Thị N đối với hợp đồng chuyển nhượng 02 diện tích đất đã di chúc thì ông Hà Văn T không có ý kiến hay tranh chấp gì, do di chúc chưa có hiệu lực pháp luật, tùy phía bà Nguyễn Thị É quyết định.

** Theo Bản trích đo hiện trạng ngày 10/3/2022 và ngày 11/3/2022 của Công ty Đ do ông Nguyễn Văn P chỉ dẫn đo đạc thể hiện: Diện tích thực tế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06250 cấp ngày 11/8/2020 tên Trần Văn C, Lê Thị N diện tích là 236,5m²; diện tích thực tế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05369 cấp ngày 11/8/2020 tên Trần Văn C, Lê Thị N diện tích là 135,8m². Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/4/201 đối với diện tích đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05369 cấp ngày 11/8/2020 tên Trần Văn C, Lê Thị N diện tích là 135,8m² tọa lạc tại tổ B, ấp A, xã A, huyện C, An Giang thể hiện: Trên đất có 01 căn nhà có kết cấu nhà sàn gỗ, cột gỗ, vách lợp thiếc, mái lợp thiếc, sàn gỗ được xây dựng khoảng năm 1975 hiện tại do bà Nguyễn Thị É đang sinh sống cùng với ông Hà Văn T; ngoài ra không có cây trồng hoặc vật kiến trúc nào khác. Theo biên bản thẩm định ngày 29/4/2021 đối với diện tích đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06250 cấp ngày 11/8/2020 tên Trần Văn C, Lê Thị N diện tích là 236,5m² tọa lạc tại tổ A, ấp V, xã V, huyện C, An Giang thể hiện: Trên diện tích đất có 03 bụi Tre (khoảng 25 cây), ngoài ra không có xây dựng công trình hay vật kiến trúc nào khác và hiện tại do bà Nguyễn Thị É đang quản lý, sử dụng.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 14/5/2024 giữa bà Nguyễn Thị É với ông Trần Văn C, bà Lê Thị N mặc dù đã được công chứng hợp pháp và đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tuy nhiên, tiền chuyển nhượng chưa thanh toán xong và nhà đất chưa giao trên thực tế, đồng thời vợ chồng ông C, bà N cũng thừa nhận chỉ đứng tên để giữ dùm tài sản cho bà Nguyễn Thị É. Do đó, đây là hợp đồng tạo nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố vô hiệu, đồng thời xử lý hậu quả và buộc các bên chịu chi phí tố tụng, án phí theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp dân sự về yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hợp đồng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, căn cứ vào khoản 3 và khoản 11 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, đại diện Văn phòng C1 vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành mở phiên tòa theo quy định.

Về nội dung:

[2] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 14/5/2020, số công chứng 920, Quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD giao kết giữa bà Nguyễn Thị É với vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị N có nội dung: “ Bà Nguyễn Thị É đồng ý chuyển nhượng cho ông Trần Văn C, bà Lê Thị N 02 diện tích đất, gồm: Diện tích 241m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06250/iG cấp ngày 06/10/2007, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, An Giang; diện tích đất 138,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H05369/cG cấp ngày 08/5/2006, đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, An Giang; giá trị chuyển nhượng là 200.000.000đ và giao nhận tiền làm biên nhận riêng”. Xét thấy, mặc dù hợp đồng chuyển nhượng đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa hai bên, đã được công chứng hợp pháp đúng theo quy định tại Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 và người nhận chuyển nhượng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tuy nhiên, trên thực tế vợ chồng ông C, bà N đều thừa nhận rằng: Tài sản thỏa thuận chuyển nhượng là 02 diện tích đất đều chưa tiến hành giao nhận, số tiền chuyển nhượng thỏa thuận trong hợp đồng là 200.000.000đ vẫn chưa thanh toán, bởi trên thực tế thì chỉ là hình thức nhằm để vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị N đứng tên dùm cho bà Nguyễn Thị É chứ không nhằm mục đích chuyển nhượng hay tặng cho gì cả.

[3] Theo khoản 1 Điều 124 Bộ luật Dân sự 2015 có quy định: “Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan”. Trong trường hợp này, phía bị đơn thừa nhận giao dịch chuyển nhượng chỉ là hình thức, mục đích là chỉ đứng tên giùm cho bà Nguyễn Thị É trong việc giữ gìn tài sản; trong khi đó, pháp luật về đất đai không thừa nhận cho việc đứng tên giùm, ai trực tiếp quản lý, sử dụng đất và đúng theo quy định của pháp luật thì sẽ được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận để giao quyền sử dụng đất. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị É với vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị N là hợp đồng giả tạo nên sẽ bị vô hiệu toàn bộ. Theo Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập; khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi làm cho giao dịch vô hiệu phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại”. Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị É yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng và hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận; trong vụ án này, các bên chưa thực hiện giao nhận tài sản và cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải thì vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị N xác định rằng: Sau khi thực hiện các thủ tục công chứng, đi

lại nhiều lần, nộp chi phí và thuế trước bạ số tiền khoảng 10.000.000đ. Mặc dù vợ chồng ông C, bà N không yêu cầu nguyên đơn xem xét trả lại số tiền này nhưng phía nguyên đơn sẽ trả lại toàn bộ số tiền này cho bị đơn; đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên được chấp nhận và buộc bà Nguyễn Thị É trả lại cho ông C, bà N số tiền là 10.000.000đ. Ngoài ra, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tuyên hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05369 cấp ngày 11/8/2020 và số CS05369 cấp ngày 11/8/2020 tên Trần Văn C, Lê Thị N; xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá trị tài sản tranh chấp và chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận tổng cộng là 15.474.600đ. Lẽ ra, cần phải buộc mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí do lỗi điều của các bên làm cho hợp đồng vô hiệu, tuy nhiên phía nguyên đơn đã tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này nên cần công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[6] Về án phí, lệ phí sơ thẩm: Do bị tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 124, Điều 131, Điều 502, Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị É (do ông Nguyễn Văn P đại diện). Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 14/5/2020, số công chứng 920, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD giao kết giữa bà Nguyễn Thị É với vợ chồng ông Trần Văn C, bà Lê Thị N vô hiệu do giả tạo.

+ Bà Nguyễn Thị É được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại các thông tin trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 241m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS06250 ngày 11/8/2020 tên Trần Văn C, Lê Thị N (đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, An Giang); diện tích đất 138,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS05369 cấp ngày 11/8/2020 tên Trần Văn C, Lê Thị N (đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, An Giang).

+ Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị É hoàn trả lại 10.000.000đ cho ông Trần Văn C, bà Lê Thị N (chi phí thuế trước bạ).

+ Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị É về việc yêu cầu hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06250 cấp ngày 11/8/2020 và số CS05369 cấp ngày 11/8/2020 tên Trần Văn C, Lê Thị N.

* Về án phí sơ thẩm:

+ Buộc ông Trần Văn C, bà Lê Thị N chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị É được miễn án phí theo quy định pháp luật của người cao tuổi (có đơn xin miễn).

* Về chi phí tố tụng: Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị É chịu 15.474.600đ (đã nộp và quyết toán xong tại Tòa án).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hoàng Huy Hùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Triều